TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy;
2. Ông Lê Văn Thừa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy D-1984-yêu cầu vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (Nay là khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G-1989-vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ (Nay là ấp T, xã V, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D trình bày: Bà D và ông G do mai mối, tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (cũ) (nay là xã V) vào ngày 11/10/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ tháng 12/2024 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông G thường hay ăn nhậu, không quan tâm lo lắng cho vợ con, từ đó vợ chồng thường hay gây

gỗ, cự cải nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên bà D yêu cầu ly hôn với ông G để trả tự do cho nhau. Về con chung: Bà D và ông G có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc S-sinh ngày: 05/10/2015. Từ khi ly thân đến nay con chung cho bà D chăm sóc nuôi dưỡng. Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2025, khi ly hôn, bà D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 11/8/2025, bà D có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện là bà không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con, thu nhập của bà D đảm bảo nuôi dưỡng cháu S. Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2025, khi ly hôn, bà D yêu cầu ông G phải trả lại cho bà số tiền 100.000.000 đồng mà trước đây bà góp vào xây dựng nhà ở chung của vợ chồng. Tuy nhiên, ngày 11/8/2025, bà D có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện là bà không yêu cầu chia tài sản chung, việc chia tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này bà có yêu cầu thì bà sẽ yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án triệu tập hợp lệ ông G nhiều lần đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông G không đến để trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông G. Về con chung: Giao con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với việc bà D yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung, nếu sau này bà D có yêu cầu thì sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa

không lý do nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân của bà D và ông G là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà D xác định vợ chồng đã có một thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Theo bà D trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông G thường hay ăn nhậu, không lo lắng cho vợ con, từ đó vợ chồng thường hay gây gỗ, cự cải nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm nên bà D yêu cầu ly hôn với ông G. Ông G đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến và yêu cầu của mình. Điều này, cho thấy ông G không muốn hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa ông bà trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông G là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà D xác định có 01 con chung với ông G tên là Nguyễn Ngọc S-sinh ngày: 05/10/2015. Từ khi ly thân đến nay, con chung cho bà D chăm sóc nuôi dưỡng. Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2025, khi ly hôn, bà D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 11/8/2025, bà D có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện là bà không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con, thu nhập của bà đảm bảo nuôi dưỡng cháu S. Xét thấy, việc nuôi dạy con là trách nhiệm chung của cha mẹ. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cũng phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con. Từ trước đến nay, con chung do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, môi trường sống và sinh hoạt của cháu đã ổn định. Bà D có thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi dạy cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, ý kiến của cháu S cũng đồng ý sống chung với mẹ, không yêu cầu gì ở cha. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với việc bà D yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Bà D có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2025, khi ly hôn, bà D yêu cầu ông G phải trả lại cho bà số tiền 100.000.000 đồng mà trước đây bà góp vào xây dựng nhà ở chung của vợ chồng. Tuy nhiên, ngày 11/8/2025, bà D có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện là bà không yêu cầu chia tài sản chung, việc chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với việc bà D yêu cầu ông G chia tài sản chung. Bà D có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Viện kiểm sát là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy D được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

Về con chung: Công nhận bà D và ông G có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc S-sinh ngày: 05/10/2015. Giao cháu S cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông G không ai được cản trở. Bà D và ông G có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đình chỉ phần nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung. Nguyên đơn có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thùy D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.800.000đ *(Hai triệu tám trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004072 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ (cũ) tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà D

được nhận lại số tiền chênh lệch sau khi khấu trừ là 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm ngàn đồng).*

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV4-CT;
- Phòng THADS KV4-CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Sáu